

VP26.00000704
No.: 260715.02.NT01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST REPORT)

Tên khách hàng/ Customer : **VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG**
Địa chỉ/ Address : 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, TP. Hà Nội, Việt Nam
Tên đơn vị yêu cầu/Customer : **CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO**
Địa chỉ/ Address : Số 48, Khu phố 3, Phường Long Hưng, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **NHÀ MÁY XLNTTTKCN NHƠN TRẠCH 5**
Địa chỉ lấy mẫu/ Sampling address : KCN Nhơn Trạch 5, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai
Loại mẫu/ Type of sample : Nước thải
Số lượng/ Quantity : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 15/07/2026
Ngày trả kết quả/ Date of result : 04/08/2026
Mô tả mẫu/ Description : NT01: Vàng, hơi đục



TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)
					NT01
1	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,32
2	Nhiệt độ ^(*)	°C	SMEWW 2550B:2023	4 ÷ 40	32,7
3	Clo dư ^(*)	mg/L	QT-N-018	0 ÷ 5,0	0,0
4	Độ màu ^(*)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	3,0	106
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(*)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	3,0	46
6	BOD ₅ ^(*)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	1,1	75
7	COD ^(*)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	3,0	207
8	Amoni (N-NH ₄ ⁺), tính theo N ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH3.B&C:2023	0,5	14,0
9	Tổng Nitơ (T-N) ^(*)	mg/L	TCVN 6638:2000	3,0	24,5
10	Tổng Phốt pho (T-P) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	0,02	0,558
11	Florua (F ⁻) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	0,09	0,43
12	Clorua (Cl ⁻) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500.Cl ⁻ :2023	3,0	415

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc/Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh/Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Công Nghệ Việt Pháp/Partial copies of this test result sheet are not allowed of Viet Phap engineering technology service trading Co.,Ltd



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ VIỆT PHÁP
VIET PHAP ENGINEERING TECHNOLOGY SERVICE TRADING CO., LTD

Địa chỉ VP: 30 Đường số 8, phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh
 Địa chỉ PTN: 8C5 Hà Huy Giáp, KDC Nam Long, phường An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh
 Office: 30 Street No. 8, Thong Tay Hoi Ward, Ho Chi Minh City

Lab: 8C5 Ha Huy Giap Street, Nam Long Residential area, An Phu Dong Ward, Ho Chi Minh City
 Email: congtyvietphap19@gmail.com Tel: 0907 596 596 Website: http://www.moitruongvietphap.com



VIMCERTS 345

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)
					NT01
13	Sunfua (S^{2-})(*)	mg/L	SMEWW 4500-S $^{2-}$.B&D:2023	0,03	0,142
14	Xianua (CN^{-})(*)	mg/L	SMEWW 4500-CN.C&E:2023	0,0015	0,0053
15	Tổng Phenol(*)	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	0,0015	0,026
16	Crom VI (Cr^{6+})(*)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,003	0,011
17	Crôm III (Cr^{3+})(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,003	KPH
18	Mangan (Mn)(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,03	0,11
19	Sắt (Fe)(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,03	0,37
20	Đồng (Cu)(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,03	< 0,10
21	Kẽm (Zn)(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,02	0,16
22	Niken (Ni)(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,003	< 0,010
23	Asen (As)(*)	mg/L	SMEWW 3114C:2023	0,0003	0,0031
24	Thủy ngân (Hg)(*)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	0,00015	KPH
25	Chì (Pb)(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,0015	KPH
26	Cadmi (Cd)(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,0002	KPH
27	Dầu mỡ khoáng(*)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1	KPH
28	Tổng Coliform(*)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	1,8	$3,3 \times 10^5$
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(a)	Bq/L	TCVN 6053:2021	0,03	KPH
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(a)	Bq/L	TCVN 6219:2021	0,1	0,21

5891575
 CÔNG TY
 TNHH
 THƯƠNG MẠI DỊCH
 VỤ KỸ THUẬT CÔNG
 NGHỆ VIỆT PHÁP
 HỒ HỒ C

Ghi chú/Notes:

- KPH: Không phát hiện/ Not Detected

-(*) : Chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS / VIMCERTS Certified Parameters

-(**) : Chỉ tiêu được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017 VLAT 1.2169/ ISO/IEC 17025:2017 Certified Parameters

-(a) : Kết quả được kiểm nghiệm tại nhà thầu phụ với Vimcerts 304

- NT01: Nước thải đầu vào tại thu gom nhà máy XLNT KCN Nhơn Trạch 5, Tọa độ: X: 1183089, Y: 408103

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc/Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh/Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Công Nghệ Việt Pháp/Partial copies of this test result sheet are not allowed of Viet Phap engineering technology service trading Co.,Ltd



VIMCERTS 345

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ VIỆT PHÁP
VIET PHAP ENGINEERING TECHNOLOGY SERVICE TRADING CO., LTD

Địa chỉ VP: 30 Đường số 8, phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ PTN: 8C5 Hà Huy Giáp, KDC Nam Long, phường An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh

Office: 30 Street No. 8, Thong Tay Hoi Ward, Ho Chi Minh City

Lab: 8C5 Ha Huy Giap Street, Nam Long Residential area, An Phu Dong Ward, Ho Chi Minh City

Email: congtyvietphap19@gmail.com Tel: 0907 596 596 Website: <http://www.motruongvietphap.com>



Trưởng phòng thí nghiệm

Head of testing lab

Lê Kiến Trúc



Phó Giám đốc

Vice director

Nguyễn Thùy Diễm



1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc/Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh/Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria
3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Công nghệ Việt Pháp/Partial copies of this test result sheet are not allowed of Viet Phap engineering technology service trading Co.,Ltd

VP26.00000705
 No.: 260715.02.NT02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST REPORT)

Tên khách hàng/ Customer : **VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG**
 Địa chỉ/ Address : 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, TP. Hà Nội, Việt Nam
 Tên đơn vị yêu cầu/ Customer : **CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO**
 Địa chỉ/ Address : Số 48, Khu phố 3, Phường Long Hưng, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **NHÀ MÁY XLNTTTKCN NHƠN TRẠCH 5**
 Địa chỉ lấy mẫu/ Sampling address : KCN Nhơn Trạch 5, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai
 Loại mẫu/ Type of sample : Nước thải
 Số lượng/ Quantity : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 15/07/2026
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 01/08/2026
 Mô tả mẫu/ Description : NT02: Vàng, trong



TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)
					NT02
1	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,26
2	Nhiệt độ ^(*)	°C	SMEWW 2550B:2023	4 ÷ 40	32,5
3	Clo dư ^(*)	mg/L	QT-N-018	0 ÷ 5,0	0,23
4	Độ màu ^(*)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	3,0	32,2
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(*)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	3,0	<9,9
6	BOD ₅ ^(*)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	1,1	18
7	COD ^(*)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	3,0	41
8	Amoni (N-NH ₄ ⁺), tính theo N ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH3.B&C:2023	0,5	KPH
9	Tổng Nitơ (T-N) ^(*)	mg/L	TCVN 6638:2000	3,0	< 9,9
10	Tổng Phốt pho (T-P) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	0,02	0,234
11	Florua (F ⁻) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	0,09	0,32

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc/Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh/Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Công Nghệ Việt Pháp/Partial copies of this test result sheet are not allowed of Viet Phap engineering technology service trading Co.,Ltd



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ VIỆT PHÁP
VIET PHAP ENGINEERING TECHNOLOGY SERVICE TRADING CO., LTD

Địa chỉ VP: 30 Đường số 8, phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh
 Địa chỉ PTN: 8C5 Hà Huy Giáp, KDC Nam Long, phường An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh
 Office: 30 Street No. 8, Thong Tay Hoi Ward, Ho Chi Minh City

Lab: 8C5 Ha Huy Giap Street, Nam Long Residential area, An Phu Dong Ward, Ho Chi Minh City
 Email: congtyvietphap19@gmail.com Tel: 0907 596 596 Website: http://www.moitruongvietphap.com



VIMCERTS 345

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)
					NT02
12	Sunfua (S^{2-})*	mg/L	SMEWW 4500-S2.B&D:2023	0,03	KPH
13	Xianua (CN^{-})*	mg/L	SMEWW 4500-CN.C&E:2023	0,0015	0,035
14	Tổng Phenol*	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	0,0015	<0,005
15	Crom VI (Cr^{6+})*	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,003	< 0,010
16	Crôm III (Cr^{3+})*	mg/L	SMEWW 3113B:2023 SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,003	< 0,010
17	Mangan (Mn)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,03	< 0,10
18	Sắt (Fe)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,03	< 0,10
19	Đồng (Cu)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,03	KPH
20	Kẽm (Zn)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,02	0,11
21	Niken (Ni)*	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,003	< 0,010
22	Asen (As)*	mg/L	SMEWW 3114C:2023	0,0003	0,0028
23	Thủy ngân (Hg)*	mg/L	SMEWW 3112B:2023	0,00015	KPH
24	Chì (Pb)*	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,0015	KPH
25	Cadmi (Cd)*	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,0002	KPH
26	Dầu mỡ khoáng*	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1	KPH
27	Tổng Coliform*	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	1,8	KPH
28	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(a)	Bq/L	TCVN 6053:2021	0,03	KPH
29	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(a)	Bq/L	TCVN 6219:2021	0,1	0,31

Ghi chú/Notes:

- KPH: Không phát hiện/ Not Detected

-(*) : Chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS / VIMCERTS Certified Parameters

-(**) : Chỉ tiêu được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017 VLAT 1.2169/ ISO/IEC 17025:2017 Certified Parameters

-(a) : Kết quả được kiểm nghiệm tại nhà thầu phụ với Vimcerts 304

- NT02: Nước thải đầu ra nhà máy XLNT KCN Nhơn Trạch 5, Tọa độ: X: 1183089; Y: 408103

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc/Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh/Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Công Nghệ Việt Pháp/Partial copies of this test result sheet are not allowed of Viet Phap engineering technology service trading Co.,Ltd





VIMCERTS 345

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ VIỆT PHÁP
VIET PHAP ENGINEERING TECHNOLOGY SERVICE TRADING CO., LTD

Địa chỉ VP: 30 Đường số 8, phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh
Địa chỉ PTN: 8C5 Hà Huy Giáp, KDC Nam Long, phường An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh
Office: 30 Street No. 8, Thong Tay Hoi Ward, Ho Chi Minh City
Lab: 8C5 Ha Huy Giap Street, Nam Long Residential area, An Phu Dong Ward, Ho Chi Minh City
Email: congtyvietphap19@gmail.com Tel: 0907 596 596 Website: <http://www.moitruongvietphap.com>



Trưởng phòng thí nghiệm

Head of testing lab

Lê Kiến Trúc



Phó Giám đốc

Deputy Director

Nguyễn Thùy Diễm



1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc/Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh/Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria
3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Công nghệ Việt Pháp/Partial copies of this test result sheet are not allowed of Viet Phap engineering technology service trading Co.,Ltd